

Số: 46/QĐ-TTYT

Mang Yang, ngày 29 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2019

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.

Căn cứ hông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1166/QĐ-SYT tỉnh của Sở Y tế tỉnh Gia Lai ngày 31/12/2019 của Sở Y tế Gia Lai về việc giao dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2020;

Xét đề nghị của Phòng Kế Hoạch – Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2019 của Trung tâm Y tế huyện Mang Yang. (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phó các phòng ban các khoa phòng tại Trung tâm Y tế tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu :VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bùi Văn Sơn

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MANG YANG

Chương: 423

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số: 126/QĐ- TTYT ngày 29/12/2019 của GD TTYT Mang Yang)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu		0	0	0	0
A	Tổng số thu	11.350	11.350			
1	Thu sự nghiệp y tế	11.299	11.299			
1.1	Thu từ BHYT thanh toán	10.025	10.025			
1.2	Thu trực tiếp từ người bệnh	1.274	1.274			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (DV căng tin)	50,5	50,5			
2.1	Thu từ dịch vụ cho thuê căng tin	50,5	50,5			
3	Thu sự nghiệp khác					
B	Chi từ nguồn thu được để lại	11.210	11.223	4.452	132	231
1	Hoạt động sự nghiệp y tế					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	25,0	38,6			17,9
3	Hoạt động sự nghiệp y tế	11.185	11.185	4.452	132	213
C	Số thu nộp NSNN	3,00	3,66			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	3,0	3,66			
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	10.717	10.345	7.974	523	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	10.717	10.345	7.974	523	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.557	9.557	7.472	523	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.160	788	502		
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					

10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)					
2	Chi Chương trình mục tiêu					
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)					

Ngày 29 tháng 5 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Bùi Văn Sơn

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MANG YANG

Chương: 423

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện năm 2019	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách NN		3		
1	Số thu sự nghiệp	9.678	11.327	117	123
1.1	Thu từ KCB BHYT thanh toán	8.800	10.025		
1.2	Thu trực tiếp từ người bệnh	850	1.274		
1,3	Thu nguồn khác	28	28		
	Phí B				
					
2	Chi từ nguồn thu được để lại	9.678	10.345	107	84
2.1	Chi sự nghiệp y tế	9.678	10.345		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.800	10.345		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	850	788		
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	3,0	3,7	0,0	0,0
3.1	Nộp NS (thuế)	3,0	3,7		
	Nguồn DV căng tin	3,0	3,7		
	Lệ phí B				
					
3.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (BV, Xã, DP)	11.756	10.345	88	104
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				

2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	11.756	10.345	88	104
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.378	9.557		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.378	788		
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

Ngày 28 tháng 05 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị



Bùi Văn Sơn